| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày 06-7-2023<br>V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Vi Hồng Nhung;

Bà Nông Thị Sen.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nông Thị Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào ngày 15/02/2020, sau đó cùng năm 2 anh chị có đến Ủy ban

nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đăng ký kết hôn, tuy nhiên do quá trình sinh sống, chuyển nhà nhiều lần nên đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn, chị có lên Ủy ban nhân dân xã B để xin cấp lại bản sao tuy nhiên Ủy ban không còn lưu trữ hồ sơ và sổ sách liên quan. Từ khi đăng ký kết hôn, ngoài việc khai sinh cho con chung, vợ chồng chị chưa bao đem đăng ký kết hôn để sử dụng vào nội dung công việc gì khác nên không thể cung cấp được cho Tòa án thông tin việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không phù hợp, anh Hoàng Văn H không quan tâm gì đến vợ con nên vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 5/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị bỏ nhà đi làm công ty, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nông Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn H có 01 người con chung là cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 15/10/2010. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Hoàng Thị Cẩm L ở cùng anh Hoàng Văn H do vậy khi ly hôn, chị sẽ để anh Hoàng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng).

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung gì, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc anh và chị Nông Thị Đ tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng hôn nhân đúng như chị Nông Thị Đ trình bày. Nên anh đồng ý ly hôn với chị Nông Thị Đ. Bản thân anh cũng không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn cho Tòa án, nguyên nhân như chị Nông Thị Đ trình bày.

- Về con chung và tài sản chung: Anh đồng ý với phần trình bày và yêu cầu của chị Nông Thị Đ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Hoàng Thị Cẩm L, cháu L khai hiện tại cháu đang ở với bố Hoàng Văn H và bà nội tại Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nếu trong trường hợp bố mẹ phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố Hoàng Văn H vì từ trước đến nay cháu đã sinh sống quen ở đây.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành

pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 15/10/2010 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Nông Thị Đ cung cấp gồm có: Đơn xin xác nhận ngày; giấy tờ tùy thân của chị, giấy khai sinh của con chung, bản tự khai, sổ hộ khẩu gia đình.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn anh Hoàng Văn H cung cấp gồm có: Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của anh Hoàng Văn H.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng Thị Cẩm L; công văn số 94/UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 05/7/2023.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh Hoàng Văn H xin vắng mặt, chị Nông Thị Đ yêu cầu không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án chỉ công khai các tài liệu, chứng cứ tuy nhiên do chị Đua, anh Học không chứng minh được việc đăng ký kết hôn hợp pháp nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án triệu tập nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nông Thị Đ khởi kiện ly hôn trong trường hợp xác định không có đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Hoàng Văn H có hộ khẩu thường trú và

hiện vẫn đang cư trú tại Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự thì chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H có thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2010, tuy nhiên do quá trình lưu giữ không cẩn thận nên đã làm mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, chị Nông Thị Đ đã đến Ủy ban nhân dân xã B để xin cấp lại bản sao giấy chứng nhận kết hôn tuy nhiên tại Ủy ban không còn lưu giữ hồ sơ của anh chị. Việc này phù hợp với công văn trả lời số 94/UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H không được pháp luật công nhận, mặt khác thực tế cuộc sống giữa chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều nhất trí ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần không công nhận chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[4] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 15/10/2010. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Hoàng Thị Cẩm L vẫn sinh sống cùng với anh Hoàng Văn H ở Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Anh, chị thỏa thuận khi ly hôn, anh Hoàng Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, việc này phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Ngoài ra, anh chị còn thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con theo đó chị Nông Thị Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng). Do vậy Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận này là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị Đ là nguyên đơn yêu cầu ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 8 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các điều 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a, b khoản 1 Điều 24 và điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Cẩm L, sinh ngày 15/10/2010 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng trên một tháng) từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nông Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị Nông Thị Đ phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003218 ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nông Thị Đ còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị Đ có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
**(Đã ký)**

**Trương Thị Hương Giang**